

BẢO HIỂM SỨC KHỎE
TOÀN DIỆN



BAOVIET  **Insurance**
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

MỤC LỤC

Phần I: Quy định chung	04
Phần II: Các điều kiện bảo hiểm	08
Phần III: Các điều khoản loại trừ chung	10
Phần IV: Thủ tục yêu cầu trả tiền Bảo hiểm	12
Điều khoản bổ sung Bảo hiểm Sức khỏe toàn diện	13

BẢO HIỂM SỨC KHỎE TOÀN DIỆN

Ban hành kèm theo QĐ số: 3113/2012/QĐ/TGD - BHBV ngày 28 tháng 9 năm 2012
của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG

I. ĐỊNH NGHĨA

1. Tai nạn

Là bất kì sự kiện bất ngờ hay không lường trước, gây ra bởi một lực từ bên ngoài, mạnh và có thể nhìn thấy được xảy ra trong thời hạn bảo hiểm là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thương tật thân thể hoặc chết cho Người được bảo hiểm và xảy ra ngoài sự kiểm soát của Người được bảo hiểm.

2. Thương tật thân thể

Thương tật thân thể gây ra trực tiếp bởi tai nạn trong thời hạn bảo hiểm dẫn đến Người được bảo hiểm bị thương tật.

3. Thương tật toàn bộ tạm thời

Là tình trạng mà Người được bảo hiểm bị thương tật không thể thực hiện được bất kì công việc nào của mình, nhưng tình trạng thương tật đó không phải là vĩnh viễn.

4. Thương tật bộ phận tạm thời

Là tình trạng mà Người được bảo hiểm bị thương tật không thể thực hiện được một vài nhiệm vụ liên quan đến công việc của mình trong một thời gian nhất định.

5. Thương tật toàn bộ vĩnh viễn

Là thương tật làm cho Người được bảo hiểm bị cản trở hoàn toàn khi tham gia vào công việc của người đó hay bị mất hoàn toàn khả năng lao động trong bất kì loại lao động nào và kéo dài 52 tuần liên tục và không hy vọng vào sự tiến triển của thương tật đó.

6. Thương tật bộ phận vĩnh viễn

Là thương tật làm cho một hay nhiều bộ phận cơ thể của Người được bảo hiểm không có khả năng phục hồi chức năng hoạt động bình thường.

7. Ốm đau

Là tình trạng cơ thể có dấu hiệu của một bệnh lý khác với tình trạng sức khỏe bình thường.

8. Bệnh / thương tật có sẵn

Là bệnh hoặc thương tật có từ trước ngày bắt đầu

được nhận bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm và là bệnh/thương tật mà Người được bảo hiểm:

- a. đã phải điều trị trong vòng 3 năm gần đây hoặc
- b. triệu chứng bệnh/ thương tật đã xuất hiện hoặc đã xảy ra trước ngày ký hợp đồng mà Người được bảo hiểm đã biết hoặc ý thức được cho dù Người được bảo hiểm có thực sự khám, điều trị hay không.

Bệnh/ thương tật có sẵn bao gồm nhưng không giới hạn ở các bệnh như: viêm Amidan cần phải cắt, viêm VA cần phải nạo, vẹo vách ngăn cần phẫu thuật, rối loạn tiền đình, bệnh hen, bệnh thoái hóa đốt sống, viêm tai giữa cần phẫu thuật đặt ống thông khí, trĩ cần phẫu thuật, thoát vị đĩa đệm, thoái hóa khớp, phẫu thuật dây chằng.

9. Bệnh đặc biệt

Là những bệnh ung thư và u các loại, huyết áp, tim mạch, loét dạ dày, viêm đa khớp mãn tính, loét ruột, viêm gan các loại, viêm màng trong dạ con, trĩ, sỏi trong các hệ thống tiết niệu và đường mật, đục thủy tinh thể, viêm xoang, Parkinson, bệnh đái tháo đường, bệnh liên quan đến hệ thống tái tạo máu như lọc máu, thay máu, chạy thận nhân tạo.

10. Tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau bệnh tật

Là một sự biến đổi hoàn toàn về thể chất và tinh thần của Người được bảo hiểm làm cho người đó không thể thực hiện được bất kì các nhu cầu cá nhân, xã hội hay công việc, hoặc đáp ứng những yêu cầu của Luật pháp hay Quy định nào.

11. Dịch vụ xe cứu thương

Là việc sử dụng xe cứu thương của bệnh viện hoặc phòng khám trong trường hợp Người được bảo hiểm trong tình trạng ốm đau/tai nạn nguy kịch ảnh hưởng đến tính mạng buộc phải đưa người bệnh đến Bệnh viện/phòng khám gần nhất hoặc từ bệnh viện này đến bệnh viện khác (không phải là dịch vụ vận chuyển bằng đường hàng không).

12. Điều trị cấp cứu

Là việc điều trị khẩn cấp tại cơ sở y tế trong vòng 24h sau khi có tai nạn hoặc triệu chứng ốm đau/bệnh tật có thể nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe cần thiết phải điều trị khẩn cấp tại phòng cấp cứu, có phát sinh chi phí giường bệnh và hồ sơ có dấu xác nhận cấp cứu của cơ sở y tế.

Trường hợp điều trị tại phòng cấp cứu chỉ vì lý do ngoài giờ phục vụ của phòng khám/ bệnh viện thì được coi là điều trị ngoại trú.

13. Bệnh viện

Là một cơ sở khám và điều trị bệnh hợp pháp được nhà nước công nhận và:

- có khả năng và phương tiện chẩn đoán bệnh, điều trị và phẫu thuật;
- có điều kiện thuận lợi cho việc điều trị nội trú và có hệ thống theo dõi sức khỏe hàng ngày cho các bệnh nhân điều trị nội trú;
- không phải là nơi để an dưỡng phục hồi sức khỏe hoặc là một nơi đặc biệt chỉ có mục đích duy nhất là phục vụ cho người già hoặc giúp đỡ cai nghiện rượu, thuốc phiện, ma túy hoặc để điều trị rối loạn tâm thần, điều trị bệnh phong.

14. Nằm viện

Là việc bệnh nhân cần thiết nằm tại bệnh viện ít nhất là 24 giờ để điều trị cho đến khi ra viện kể cả việc sinh đẻ hoặc điều trị trong thời gian thai kì. Trong trường hợp bệnh viện không cấp được Giấy nhập viện hoặc xuất viện, hồ sơ y tế hoặc hóa đơn thanh toán thể hiện rõ thời gian điều trị sẽ được coi như chứng từ thay thế. Đơn vị ngày nằm viện được tính bằng 24h hoặc theo đơn vị giường nằm trong Giấy ra/ xuất viện hoặc trong chứng từ viện phí chi tiết.

15. Phòng và Giường điều trị

Các chi phí tiền giường nằm điều trị trong một phòng đơn (không bao gồm phòng VIP) và các khoản chi phí liên quan khác, bao gồm cả phòng chăm sóc đặc biệt và các chi phí chăm sóc y tế cần thiết khác do một y tá có bằng cấp chăm sóc.

16. Phẫu thuật

Là một phương pháp khoa học để điều trị thương tật hoặc bệnh tật được thực hiện bởi những phẫu thuật viên có bằng cấp thông qua những ca mổ bằng tay với các dụng cụ y tế hoặc bằng thiết bị y tế trong bệnh viện bao gồm nhưng không giới hạn bởi mổ nội soi, mổ bằng tia laser...

17. Cấy ghép nội tạng

Là việc phẫu thuật để cấy ghép tim, phổi, gan, tuyến tụy, thận hoặc tủy xương cho Người được bảo hiểm tiến hành tại một bệnh viện bởi một Bác sĩ có trình độ phẫu thuật. Các chi phí mua cơ quan cấy ghép và toàn bộ các chi phí phát sinh cho người hiến bộ phận cơ thể không được bảo hiểm theo Đơn bảo hiểm này.

18. Điều trị nội trú

Là việc một Người được bảo hiểm nhập viện phát sinh các chi phí như chi phí trước khi nằm viện, chi phí nằm viện, chi phí điều trị trong ngày, chi phí phẫu thuật (bao gồm phẫu thuật trong ngày), chi phí sau khi xuất viện, chi phí y tá chăm sóc tại nhà hoặc các quyền lợi khác (nếu có) theo các giới hạn quy định trong Bảng tóm tắt hợp đồng bảo hiểm.

19. Trợ cấp nằm viện

Là khoản tiền hưởng thêm của Người được bảo hiểm đối với mỗi ngày nằm viện.

20. Chi phí điều trị trước khi nhập viện

Là các chi phí khám, kiểm tra, siêu âm, chụp chiếu, xét nghiệm cơ bản và tiền thuốc theo chỉ định của Bác sĩ, liên quan trực tiếp đến bệnh/thương tật cần phải nhập viện và cần theo dõi, được thực hiện trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện.

21. Bác sĩ

Là người được cấp giấy phép hành nghề hợp pháp, được luật pháp nước sở tại công nhận và Bác sĩ đó đang điều trị, hành nghề trong phạm vi Giấy phép được cấp và trong phạm vi chuyên ngành đào tạo của mình, loại trừ những Bác sĩ chính là Người được bảo hiểm, hay vợ (chồng) hoặc người thân của Người được bảo hiểm. Một Bác sĩ có thể là một Bác sĩ chuyên khoa hay cố vấn y tế.

22. Thuốc kê theo đơn của Bác sĩ

Là những thuốc, dược phẩm được bán và sử dụng theo đơn của Bác sĩ và theo quy định của pháp luật, không bao gồm thực phẩm chức năng, dược mỹ phẩm và các loại vitamin trừ trường hợp các loại vitamin có chỉ định của Bác sĩ và chi phí cho các loại vitamin này không lớn hơn chi phí thuốc điều trị.

23. Chi phí y tế hợp lý

Các chi phí y tế phát sinh cần thiết cho việc điều trị y tế của Người được bảo hiểm trong trường hợp ốm đau, bệnh tật, tai nạn.

24. Điều trị sau khi xuất viện

Các chi phí điều trị ngay sau khi xuất viện theo chỉ định của Bác sĩ và theo yêu cầu trực tiếp của bệnh viện nhưng tối đa không vượt quá 30 ngày và liên quan trực tiếp đến việc điều trị nội trú trước đó. Những chi phí này bao gồm phí khám, kiểm tra, siêu âm, chụp chiếu, xét nghiệm cơ bản và tiền thuốc.

25. Chăm sóc y tế tại nhà

Là các dịch vụ chăm sóc y tế của một y tá được

cấp giấy phép hành nghề hợp pháp được thực hiện tại nhà của Người được bảo hiểm và ngay sau khi ra viện (thời gian nằm viện tối thiểu là 7 ngày). Dịch vụ này phải được thực hiện theo chỉ định của Bác sĩ điều trị vì những lý do đặc thù của ngành y.

26. Điều trị trong ngày

Người được bảo hiểm được nhập viện để điều trị có phát sinh chi phí giường bệnh nhưng không lưu lại bệnh viện qua đêm.

27. Điều trị y tế

Là việc phẫu thuật, điều trị hoặc chữa trị theo yêu cầu với mục đích duy nhất là chữa trị hoặc làm giảm nhẹ tình trạng bệnh tật.

28. Điều trị phục hồi chức năng

Không phải là phương pháp điều trị y tế thông thường, là phương pháp điều trị nhằm mục đích khôi phục lại tình trạng bình thường và/hay chức năng sau tổn thương cấp tính hoặc do bệnh kể từ khi người bệnh được Bác sĩ chỉ định chuyển sang điều trị tại chuyên khoa phục hồi chức năng, giới hạn điều trị cho mục này là không quá 10% STBH/người/năm.

29. Các bộ phận/ thiết bị y tế hỗ trợ điều trị

Là tất cả các bộ phận hay các thiết bị được đặt/cấy/trồng vào bất cứ một bộ phận nào của cơ thể để hỗ trợ cho chức năng hoạt động của bộ phận đó, hay các dụng cụ y tế dùng để hỗ trợ cho việc điều trị hoặc phẫu thuật, bao gồm nhưng không giới hạn ở đĩa đệm, nẹp, vis, trong phẫu thuật kết xương, máy hỗ trợ tim, dao cắt trĩ theo phương pháp mổ Longo, stent trong phẫu thuật nong động mạch, các dụng cụ hỗ trợ chức năng vận động như nạng, xe đẩy, thiết bị trợ thính, kính thuốc và các dụng cụ chính hình mang tính chất thẩm mỹ khác...

Bộ phận giả:

Là các vật được làm giả để thay thế cho các bộ phận của cơ thể bao gồm nhưng không giới hạn ở răng giả, chân tay giả, thủy tinh thể giả...

30. Chăm sóc thai sản

Là chi phí y tế liên quan đến quá trình sinh nở và sẩy thai hoặc phá thai theo chỉ định của Bác sĩ hoặc thủ thuật mổ thông buồng trứng nhưng không liên quan đến việc điều trị vô sinh và bất cứ biến chứng nào phát sinh từ quá trình mang thai của Người được bảo hiểm đối với sinh thường hoặc sinh mổ.

31. Chăm sóc trẻ mới sinh

Là các chi phí y tế cần thiết cho việc điều trị nội trú

cho trẻ sơ sinh liên quan đến những triệu chứng xuất hiện khi sinh hoặc có biểu hiện trong vòng 7 ngày sau khi sinh với điều kiện người mẹ vẫn nằm viện.

32. Biến chứng thai sản

Điều trị y tế phát sinh trong khoảng thời gian mang thai hoặc sinh nở và các thủ thuật của sản khoa (loại trừ mổ đẻ theo yêu cầu).

33. Điều trị ngoại trú

Là việc điều trị y tế tại một cơ sở y tế, có giấy phép hoạt động hợp lệ (đăng ký với Sở y tế tỉnh/thành phố và Cục thuế), nhưng không nhập viện điều trị và không phát sinh chi phí giường bệnh như nội trú hoặc điều trị trong ngày.

34. Lân khám/điều trị

Là một lần người bệnh được Bác sĩ thăm khám lâm sàng, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng hay các thủ thuật thăm dò khác, thuốc điều trị trong cùng một cơ sở y tế nhằm mục đích chẩn đoán bệnh và điều trị.

- Trường hợp nhiều Bác sĩ chuyên khoa cùng hội chẩn trước một người bệnh theo quy chế bệnh viện thì chỉ được tính là một lần khám bệnh.
- Trường hợp người bệnh khám một chuyên khoa nhiều lần trong ngày thì chỉ tính là một lần khám bệnh
- Riêng trường hợp người bệnh phải khám thêm một số chuyên khoa khác dù có chỉ định của Bác sĩ trong cùng một cơ sở y tế, trong một lần khám bệnh thì vẫn chỉ tính là một lần khám bệnh.

35. Người được bảo hiểm

Là người có tên trong danh sách Người được bảo hiểm đính kèm hoặc ghi trên Bảng tóm tắt Hợp đồng bảo hiểm.

36. Người phụ thuộc

Là vợ/chồng, bố mẹ hoặc bố mẹ chồng hay vợ theo luật pháp dưới 66 tuổi kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm của đơn bảo hiểm. Con của Người được bảo hiểm có độ tuổi từ 12 tháng tuổi đến 18 tuổi hoặc 23 tuổi nếu đang theo học các khóa học dài hạn và chưa kết hôn, kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm hoặc ngày tái tục bảo hiểm tiếp theo.

Tất cả những người phụ thuộc phải có tên trong Danh sách Người được bảo hiểm.

37. Công ty bảo hiểm

Là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và các Công ty thành viên của Bảo hiểm Bảo Việt.

38. Ngày có hiệu lực bảo hiểm

Là ngày quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm và được bảo hiểm theo Đơn bảo hiểm này hoặc bắt đầu có hiệu lực đối với quyền lợi bảo hiểm cụ thể. Bảo hiểm có hiệu lực bắt đầu từ 00:01 sáng của ngày quy định trong Bảng tóm tắt Hợp đồng bảo hiểm, được ký vào lần đầu tiên hoặc ngày tái tục không liên tục.

39. Thời hạn bảo hiểm

Thời hạn bảo hiểm được quy định cụ thể trong Giấy chứng nhận bảo hiểm.

40. Ngày tái tục bảo hiểm

Là ngày có hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm tiếp theo.

41. Thời gian chờ

Có nghĩa là thời gian mà các quyền lợi bảo hiểm có liên quan không được chi trả bảo hiểm.

42. Phạm vi lãnh thổ

Đơn bảo hiểm này cung cấp bảo hiểm trong trường hợp bị tai nạn/ ốm đau và những chi phí y tế liên quan phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam ngoại trừ có những quy định khác trong Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc phụ lục.

43. Mạng lưới giải quyết bảo lãnh viện phí

Là nơi mà Người được bảo hiểm sẽ được bảo lãnh thanh toán các chi phí phát sinh thuộc phạm vi bảo hiểm. Người được bảo hiểm phải tự chi trả cho những chi phí vượt quá Mức trách nhiệm đã tham gia trong Đơn bảo hiểm tại thời điểm điều trị.

II. ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BẢO HIỂM

1. Người được bảo hiểm là mọi công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú tại Việt Nam từ 12 tháng đến 65 tuổi. Trẻ em dưới 18 tuổi chỉ được nhận bảo hiểm với điều kiện phải tham gia bảo hiểm cùng Hợp đồng với Bố và/hoặc Mẹ. Chương trình bảo hiểm của người phụ thuộc bằng hoặc thấp hơn hợp đồng bảo hiểm của Bố và/hoặc Mẹ.
2. Bảo hiểm Bảo Việt không nhận bảo hiểm và không chịu trách nhiệm đối với các trường hợp sau:
 - a. Người đang bị bệnh tâm thần, thần kinh, bệnh phong.
 - b. Người bị thương tật vĩnh viễn quá 50%.
 - c. Người đang trong thời gian điều trị bệnh hoặc thương tật.

III. KÝ KẾT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ TÁI TỤC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

1. Khi có yêu cầu tham gia bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải điền đầy đủ nội dung trên Giấy yêu cầu bảo hiểm. Giấy yêu cầu bảo hiểm là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm.
2. Trên cơ sở Giấy yêu cầu bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ cấp cho mỗi Người được bảo hiểm một Giấy chứng nhận bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm được coi là bằng chứng giao kết Hợp đồng bảo hiểm.
3. Trường hợp một trong hai bên muốn huỷ bỏ Hợp đồng bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết trước 30 ngày kể từ ngày định huỷ bỏ. Nếu Người được bảo hiểm yêu cầu huỷ bỏ Hợp đồng, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ hoàn trả 80% phí bảo hiểm của thời gian còn lại. Nếu Bảo hiểm Bảo Việt yêu cầu huỷ bỏ Hợp đồng, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ hoàn trả toàn bộ phí bảo hiểm của thời gian còn lại. Trong mọi trường hợp, Bảo hiểm Bảo Việt chỉ hoàn trả phí bảo hiểm với điều kiện trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm chưa có khiếu nại đòi trả tiền bảo hiểm nào xảy ra.
4. Cuối thời hạn bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt có quyền từ chối tái tục hợp đồng hoặc điều chỉnh các điều kiện, giới hạn phụ các quyền lợi trong Hợp đồng bảo hiểm.

IV. BẢO HIỂM TRÙNG VÀ BẢO HIỂM KHÁC

Trong trường hợp chi phí y tế liên quan tới cùng thương tật, bệnh tật được bảo hiểm theo quy tắc này có thể đòi bồi thường từ những loại hình bảo hiểm khác, Bảo hiểm Bảo Việt chỉ thanh toán khoản tiền vượt quá mức được bồi thường theo các đơn khác đó hoặc theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm của Đơn bảo hiểm này với tổng giới hạn trách nhiệm của tất cả Đơn bảo hiểm khác.

V. PHÍ BẢO HIỂM VÀ SỐ TIỀN BẢO HIỂM

Biểu phí và Số tiền bảo hiểm (STBH) quy định tại Bảng Quyền lợi và Biểu phí bảo hiểm trong bộ Hợp đồng bảo hiểm này được tính bằng Việt Nam đồng. Việc thanh toán phí bảo hiểm và chi trả tiền bảo hiểm thực hiện theo đúng quy định Nhà nước hiện hành về quản lý ngoại hối.

Phí bảo hiểm tại thời điểm tái tục có thể sẽ được điều chỉnh bởi Bảo Việt, tùy thuộc vào tỉ lệ bồi thường và các tiêu chí khác.

VI. THAY ĐỔI QUYỀN LỢI

Trong thời hạn bảo hiểm không chấp nhận thay đổi các quyền lợi bảo hiểm ở Đơn bảo hiểm này.

Những quyền lợi này chỉ có thể được thay đổi vào ngày tái tục của Hợp đồng bảo hiểm.

VII. KẾT THÚC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Tất cả các quyền lợi bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm này sẽ chấm dứt hiệu lực vào 12 giờ đêm của ngày cuối cùng của thời hạn bảo hiểm hoặc vào ngày chấm dứt hiệu lực bảo hiểm tùy theo thời điểm nào đến trước.

VIII. TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Trong trường hợp Người được bảo hiểm tham gia các trận thi đấu hoặc các cuộc đua có tính chất chuyên nghiệp như đua xe, đua ngựa, đá bóng, quyền anh, leo núi, lướt ván, lướt sóng hoặc tham gia vào các hoạt động khám phá không gian, khám phá các vùng đất mới và các khám phá khoa học, hoặc các hoạt động khác, như săn bắn, thám hiểm trên núi, Nam/Bắc cực, lực lượng thám hiểm... chỉ được bảo hiểm khi đã được khai báo và được Bảo hiểm Bảo Việt chấp nhận bằng văn bản.

IX. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

1. Người tham gia bảo hiểm kê khai trung thực đầy đủ các nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt.

2. Trung thực trong việc kê khai các thông tin và cung cấp các chứng cứ về rủi ro được bảo hiểm.

Trường hợp Người tham gia bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm không trung thực trong việc thực hiện các quy định trong Quy tắc bảo hiểm này, Bảo hiểm Bảo Việt có thể từ chối một phần hoặc toàn bộ mức chi trả tiền bảo hiểm.

X. THỜI HẠN KHIẾU NẠI VÀ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

1. Bảo hiểm Bảo Việt có trách nhiệm giải quyết và chi trả tiền bảo hiểm trong vòng mười lăm (15) ngày đối với hồ sơ yêu cầu chuyển khoản và mười (10) ngày với hồ sơ nhận tiền mặt kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ.
2. Người được bảo hiểm có quyền khiếu nại về việc trả tiền bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo trả tiền của Bảo hiểm Bảo Việt và bất cứ khiếu nại nào cũng không được vượt quá 2 (hai) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện dẫn đến khiếu nại.
3. Mọi tranh chấp phát sinh từ Quy tắc bảo hiểm này mà không thể giải quyết bằng thương lượng sẽ được giải quyết ở toà án của Việt Nam và theo luật pháp Việt Nam.

PHẦN II: CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO HIỂM

I. ĐIỀU KIỆN A: CHẾT, TÀN TẬT TOÀN BỘ VĨNH VIỄN DO ỐM ĐAU, BỆNH TẬT

1. Phạm vi bảo hiểm

Bảo hiểm trường hợp chết hoặc tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật xảy ra trong thời hạn bảo hiểm trừ những điểm loại trừ quy định tại Phần III.

2. Hiệu lực bảo hiểm

Bảo hiểm có hiệu lực sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày đóng phí bảo hiểm đối với bệnh thông thường. Các hợp đồng bảo hiểm tái tục liên tục mặc nhiên có hiệu lực ngay sau khi Người tham gia bảo hiểm đóng phí cho kì tiếp theo.

Đối với trường hợp chết do bệnh đặc biệt, bệnh có sẵn Quy tắc bảo hiểm chỉ có hiệu lực đối với Người được bảo hiểm tham gia theo Quy tắc bảo hiểm này liên tục từ năm thứ hai trở lên.

3. Quyền lợi bảo hiểm

Trường hợp Người được bảo hiểm chết hoặc tàn

tật toàn bộ vĩnh viễn thuộc phạm vi bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt trả toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm.

II. ĐIỀU KIỆN B: CHẾT HOẶC THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN DO TAI NẠN

1. Phạm vi bảo hiểm

Bảo hiểm trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn xảy ra trong thời hạn bảo hiểm trừ những điểm loại trừ quy định tại Phần III.

2. Hiệu lực bảo hiểm

Bảo hiểm có hiệu lực ngay sau khi Người tham gia bảo hiểm đóng phí bảo hiểm theo quy định.

3. Quyền lợi của Người được bảo hiểm

- a. Trường hợp Người được bảo hiểm chết hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt trả toàn

bộ số tiền bảo hiểm trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm.

- b. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt trả theo bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật tại Phụ lục I thuộc Quy tắc bảo hiểm này.
- c. Trường hợp Người được bảo hiểm bị tai nạn dẫn đến thương tật bộ phận vĩnh viễn đã được trả tiền bảo hiểm, trong vòng một (01) năm kể từ ngày xảy ra tai nạn Người được bảo hiểm bị chết do hậu quả của chính tai nạn đó, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ trả phần chênh lệch giữa số tiền bảo hiểm ghi trong Hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm với số tiền đã trả trước đó.

4. Hồ sơ trường hợp nhận tiền bồi thường do tử vong

- Yêu cầu chỉ định người thừa hưởng quyền lợi bảo hiểm trong Hợp đồng bảo hiểm.
- Nếu không có chỉ định người thừa hưởng, yêu cầu sử dụng theo mẫu cam kết thừa kế do Bảo Việt cung cấp.

III. ĐIỀU KIỆN C: CHI PHÍ Y TẾ DO TAI NẠN

1. Phạm vi bảo hiểm

Bảo hiểm các chi phí y tế nội trú và ngoại trú phát sinh trong trường hợp người được bảo hiểm bị tai nạn dẫn đến thương tật tạm thời xảy ra trong thời hạn bảo hiểm, trừ những điểm loại trừ quy định tại Phần III.

2. Hiệu lực bảo hiểm

Bảo hiểm có hiệu lực ngay sau khi Người tham gia bảo hiểm đóng phí bảo hiểm theo quy định.

3. Quyền lợi của Người được bảo hiểm

Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật tạm thời như định nghĩa trong Quy tắc bảo hiểm này, phát sinh các chi phí y tế thuộc phạm vi bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ trả toàn bộ chi phí y tế thực tế và hợp lý theo giới hạn được ghi trong Hợp đồng bảo hiểm hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm.

IV. ĐIỀU KIỆN D: ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ DO ỐM ĐAU, BỆNH TẬT

1. Phạm vi bảo hiểm

Trường hợp ốm đau, bệnh tật, xảy ra trong thời hạn bảo hiểm khiến Người được bảo hiểm phải nằm

điều trị nội trú và/hoặc phẫu thuật tại bệnh viện, trừ những trường hợp loại trừ quy định tại Phần III.

2. Hiệu lực bảo hiểm

Bảo hiểm có hiệu lực sau thời gian chờ dưới đây kể từ ngày Người tham gia bảo hiểm đóng phí bảo hiểm đầy đủ theo quy định:

- a. 30 ngày đối với trường hợp bệnh thông thường.
- b. 12 tháng đối với bệnh đặc biệt và bệnh có sẵn.
- c. Các hợp đồng tái tục liên tục mặc nhiên có hiệu lực ngay sau khi người tham gia bảo hiểm đóng phí cho thời gian tiếp theo.

3. Quyền lợi của Người được bảo hiểm

a. Trường hợp nằm viện

Trường hợp Người được bảo hiểm phải nằm viện thuộc phạm vi bảo hiểm Bảo hiểm Bảo Việt sẽ thanh toán các chi phí điều trị, tiền phòng, tiền ăn theo tiêu chuẩn điều trị nội trú của bệnh viện (nếu có), chi phí xét nghiệm, X-quang, thuốc điều trị, truyền máu, ô xy, huyết thanh, quần áo bệnh viện và các chi phí y tế liên quan khác nhưng tối đa không quá 5% STBH/ngày điều trị.

b. Trường hợp phẫu thuật

Trường hợp Người được bảo hiểm phải phẫu thuật thuộc phạm vi bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ thanh toán toàn bộ các chi phí hội chẩn, gây mê, hồi sức, chi phí phẫu thuật, cấy ghép nội tạng (không bảo hiểm cho chi phí mua các bộ phận nội tạng và chi phí hiến nội tạng). Giới hạn số tiền chi trả cho trường hợp phẫu thuật không vượt mức giới hạn tối đa do Người được bảo hiểm lựa chọn khi tham gia bảo hiểm và được ghi cụ thể trong Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm.

c. Các Quyền lợi bảo hiểm khác (giới hạn được liệt kê chi tiết trong bảng quyền lợi bảo hiểm)

- Chi phí điều trị trước khi nhập viện trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi nhập viện;
- Chi phí điều trị sau khi xuất viện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất viện;
- Chi phí y tá chăm sóc tại nhà ngay sau khi xuất viện;
- Phục hồi chức năng;
- Dịch vụ xe cứu thương loại trừ bằng đường hàng không;
- Trợ cấp nằm viện;
- Chi phí mai táng.

PHẦN III: CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CHUNG

Loại trừ áp dụng cho tất cả các điều kiện bảo hiểm bao gồm cả các điều khoản của sửa đổi bổ sung

Bảo hiểm Bảo Việt không chịu trách nhiệm chi trả tiền bảo hiểm đối với các rủi ro xảy ra do các nguyên nhân sau:

- Hành động cố ý của Người được bảo hiểm hoặc người thừa kế hợp pháp;
- Người được bảo hiểm vi phạm nghiêm trọng pháp luật phải thụ án hình sự và vi phạm luật lệ an toàn giao thông như: đua xe, điều khiển xe không có giấy phép lái xe hợp lệ, đi vào đường cấm, đường ngược chiều;
- Hậu quả của việc uống rượu bia vượt quá nồng độ theo quy định của luật giao thông đường bộ hoặc các chất kích thích khác;
- Các hành động đánh nhau của Người được bảo hiểm, trừ khi chứng minh được hành động đánh nhau đó chỉ với mục đích tự vệ;
- Điều trị y tế hoặc sử dụng thuốc không theo sự chỉ dẫn của bác sĩ;
- Tham gia vào các hoạt động hàng không (trừ khi với tư cách là hành khách), tham gia các cuộc diễn tập huấn luyện quân sự, tham gia chiến đấu của lực lượng vũ trang;
- Những rủi ro mang tính chất thảm họa như: động đất, núi lửa, sóng thần, nhiễm phóng xạ, dịch bệnh theo khuyến cáo của WHO từ cấp 6 trở lên;
- Chiến tranh, nội chiến, đình công, khủng bố, bạo động, dân biến, phiến loạn các hoạt động dân sự hoặc hành động của bất kỳ người cầm đầu của tổ chức nào nhằm lật đổ, đe dọa chính quyền, kiểm soát bằng vũ lực;
- Tham gia tập luyện hoặc tham gia thi đấu các môn thể thao chuyên nghiệp, bất kỳ hoạt động đua nào;
- Điều trị các bệnh lao phổi, sốt rét, lây lan qua đường tình dục, giang mai, bệnh lậu. Ốm đau liên quan đến các bệnh thuộc hội chứng suy giảm miễn dịch (HIV);
- Điều trị và/hoặc phẫu thuật cho các bệnh di truyền, dị tật, khuyết tật bẩm sinh, bệnh dị dạng về gen. Các loại bệnh do hình thái cơ thể dị dạng sai khác với tiêu chuẩn và khuyết tật hoặc thiếu bộ phận do bẩm sinh và/hoặc bệnh bẩm sinh. Những chỉ định phẫu thuật có từ trước ngày bắt đầu bảo hiểm;
- Kiểm tra sức khỏe định kỳ (nội trú hay ngoại trú); Giám định y khoa hoặc tư vấn y tế không liên quan đến điều trị ốm đau hoặc thương tật, bao gồm cả kiểm tra phụ khoa/nam khoa; Xét nghiệm định kỳ, khám định kỳ cho trẻ mới sinh, tất cả các hình thức tiêm chủng, vắc-xin và thuốc phòng ngừa (trừ trường hợp tiêm vắc-xin sau khi bị tai nạn hay súc vật, côn trùng cắn);
- Kiểm tra thị lực, thính giác thông thường, điều trị suy biến tự nhiên/không phải vì lý do bệnh lý của cho việc suy giảm thính thị lực, bao gồm nhưng không giới hạn cho các tật khúc xạ như cận thị, viễn thị và loạn thị và bất kỳ phẫu thuật để phục hồi hiệu chỉnh nào đối với các khuyết tật thoái hóa thính giác và thị giác;
- Điều trị hoặc phẫu thuật theo yêu cầu của Người được bảo hiểm mà không phải điều trị theo cách thông thường;
- Phẫu thuật thẩm mỹ, chỉnh hình thẩm mỹ;
- Các điều trị mang tính chất thẩm mỹ bao gồm nhưng không giới hạn ở việc điều trị tăng sắc tố (nám da), điều trị mụn, trụng cá, điều trị chứng rụng tóc ... bị loại trừ riêng đối với điều kiện ngoại trú;
- Chi phí để cung cấp, bảo dưỡng, sửa chữa hay thay thế thiết bị hỗ trợ điều trị hay bộ phận giả như định nghĩa số 29. Tuy nhiên riêng phần sử dụng địa đệm, nẹp, vis cố định vào cơ thể được áp dụng như sau:

Đối với điều trị bệnh cơ xương khớp: loại trừ đối với cả điều kiện D và ngoại trú;

Đối với trường hợp tai nạn: áp dụng giới hạn 10% STBH của chi phí y tế do tai nạn.
- Các chất bổ sung hoặc thay thế phục vụ cho việc ăn kiêng có sẵn trong tự nhiên và có thể được mua mà không cần chỉ định, bao gồm nhưng không giới hạn với các loại vitamin, khoáng chất và các chất hữu cơ (trừ trường hợp các loại vitamin có chỉ định của bác sĩ và chi phí cho các loại thuốc này không lớn hơn chi phí thuốc điều trị);
- Thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, hậu quả của phá thai do nguyên nhân tâm lý hay xã hội, điều trị vô sinh nam/ nữ, thụ tinh nhân tạo, điều trị bất lực, hoặc thay đổi giới tính và bất kỳ hậu quả hay biến chứng nào từ những điều trị trên;
- Điều trị kiểm soát trọng lượng cơ thể (tăng hoặc giảm cân);

21. Điều trị bệnh tâm thần/ thần kinh hoặc rối loạn tâm thần, động kinh...Điều trị rối loạn giấc ngủ, mất ngủ, suy nhược và hội chứng căng thẳng do công việc (stress) hoặc các bệnh có liên quan từ hội chứng đó;
22. Điều trị tại phòng mạch Bác sĩ tư, phòng nha tư nhân không có giấy phép hành nghề và không cung cấp được chứng từ/hóa đơn tài chính theo quy định của luật pháp trừ trường hợp có quy định khác được ghi rõ trong Bảng tóm tắt Hợp đồng bảo hiểm hoặc Sửa đổi bổ sung;
23. Loại trừ các chi phí liên quan tới thai sản và sinh đẻ. Điểm loại trừ này không áp dụng nếu Người được bảo hiểm tham gia quyền lợi bảo hiểm bổ sung thai sản;
24. Bệnh đặc biệt và bệnh/ thương tật có sẵn trong năm đầu tiên hợp đồng có hiệu lực.



PHẦN IV: THỦ TỤC YÊU CẦU TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

I. HỒ SƠ YÊU CẦU TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

Khi yêu cầu Bảo hiểm Bảo Việt trả tiền bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người thừa kế hợp pháp phải gửi các chứng từ sau đây cho Bảo hiểm Bảo Việt trong vòng 60 (Sáu mươi) ngày (quá thời hạn này sẽ bị từ chối một phần hoặc toàn bộ Số tiền bảo hiểm trừ trường hợp bất khả kháng) kể từ ngày điều trị cuối cùng hoặc tử vong.

1. Giấy yêu cầu trả tiền bảo hiểm (theo mẫu của Bảo Việt);
2. Biên bản tai nạn/Bản tường trình tai nạn có xác nhận của: Chủ hợp đồng bảo hiểm/ chính quyền địa phương hoặc công an nơi Người được bảo hiểm bị tai nạn. Đăng ký xe và giấy phép lái xe trường hợp Người được bảo hiểm bị tai nạn trong khi điều khiển xe cơ giới trên 50cc;
3. Các chứng từ liên quan đến việc điều trị: đơn thuốc, sổ khám bệnh, giấy ra viện, phiếu điều trị, phiếu xét nghiệm, phiếu mổ (trong trường hợp phải mổ)... Trường hợp không cung cấp được bản chính, có thể cung cấp bản photo có xác nhận của đơn vị tham gia bảo hiểm hoặc xác nhận sao y của Bảo hiểm Bảo Việt. Trong mọi trường hợp, Bảo hiểm Bảo Việt có quyền yêu cầu cung cấp bản chính để kiểm tra;
4. Các chứng từ liên quan đến việc thanh toán chi phí y tế: hóa đơn tài chính, biên lai, phiếu thu theo Quy định của Bộ Tài Chính, Cục thuế... Các giấy tờ trên phải là bản gốc và sẽ thuộc sở hữu của Bảo hiểm Bảo Việt;
5. Các chứng từ liên quan đến Trợ cấp trong thời gian điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật và /hoặc tai nạn: giấy ra, vào viện;
 - Trường hợp tai nạn, Người được bảo hiểm cần cung cấp các giấy tờ sau:
 - + Tai nạn sinh hoạt: cung cấp bản tường trình tai nạn (không cần xác nhận của cơ quan/ công ty, chính quyền);
 - + Tai nạn lao động: cung cấp biên bản tai nạn lao động hoặc bản tường trình tai nạn có xác nhận của cơ quan/ công ty/ chính quyền;
 - + Tai nạn giao thông: cung cấp bản tường trình tai nạn. Trường hợp có cảnh sát giao thông lập biên bản, cần cung cấp biên bản tai nạn giao thông. Cung cấp giấy tờ đăng ký xe và giấy phép lái xe

trường hợp Người được bảo hiểm bị tai nạn trong khi điều khiển xe cơ giới trên 50 cc;

- Trường hợp ốm/ bệnh: cung cấp giấy ra, vào viện có chỉ định nghỉ của Bác sĩ;
6. Giấy chứng tử và Giấy xác nhận quyền thừa kế hợp pháp (trường hợp Người được bảo hiểm chết).

II. THỦ TỤC BẢO LÃNH VIỆN PHÍ VÀ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

1. Trường hợp sử dụng dịch vụ Bảo lãnh cho điều trị nội trú và ngoại trú trong hệ thống bảo lãnh của Bảo Việt (*Dịch vụ bảo lãnh thanh toán trực tiếp không bảo lãnh các chi phí phát sinh nằm ngoài phạm vi hoặc vượt quá hạn mức bảo hiểm*).
 - * Bảo hiểm Bảo Việt sẽ chủ động cập nhật Hệ thống bảo lãnh viện phí tại website: www.baoviet.com.vn/baohiem mà không phải thông báo tới khách hàng. Khách hàng cần chủ động truy cập vào địa chỉ website nói trên để biết thông tin chi tiết.

Trước khi nhập viện

Người được bảo hiểm xuất trình thẻ bảo hiểm Bảo Việt Health Care và Giấy tờ tùy thân có ảnh / giấy khai sinh.

Trước khi xuất viện

Người được bảo hiểm hoặc người được ủy quyền của Người được bảo hiểm ký các chứng từ điều trị.

Người được bảo hiểm thanh toán các khoản chi phí vượt quá hoặc không thuộc phạm vi bảo hiểm trước khi rời bệnh viện.

2. Trường hợp điều trị nội trú và ngoại trú ngoài hệ thống bảo lãnh của Bảo Việt:

Người được bảo hiểm tự thanh toán trước với phòng khám/bệnh viện. Sau đó thu thập toàn bộ hồ sơ chứng từ yêu cầu bồi thường và gửi cho Bảo hiểm Bảo Việt.

Thời gian tiến hành thủ tục thanh toán bồi thường tối đa 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận chứng từ đầy đủ.

Tổng Giám đốc

Đã ký

Trần Trọng Phúc

Lưu ý: Khách hàng vui lòng điền/khai báo thông tin theo Mẫu Giấy yêu cầu bồi thường bảo hiểm sức khỏe toàn diện tại địa chỉ website: <http://www.baoviet.com.vn/insurance/Khach-hang-ca-nhan/Bao-hiem-suc-khoe/GeneralLandingPage/32/>

Đồng thời gửi cho Bảo hiểm Bảo Việt theo hướng dẫn sau:

- Khách hàng ở các tỉnh phía Bắc, gửi về: Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt - Phòng bảo lãnh chi trả viện phí - 35 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Khách hàng ở các địa bàn TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, gửi về: Phòng bảo lãnh và chi trả viện phí - Công ty Bảo Việt Sài Gòn - 233 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Khách hàng ở các địa bàn khác, gửi về: Công ty Bảo Việt - Nơi khách hàng đã tham gia bảo hiểm hoặc Công ty Bảo Việt nơi gần nhất.

ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG BẢO HIỂM SỨC KHỎE TOÀN DIỆN

Các Điều khoản bổ sung sau đây sẽ được cấp cùng với Quy tắc bảo hiểm và là một bộ phận không thể tách rời Quy tắc bảo hiểm này.

ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG I: BẢO HIỂM ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ

I. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Bảo hiểm Bảo Việt sẽ thanh toán cho Người được bảo hiểm tham gia Điều khoản bổ sung này các chi phí y tế phát sinh điều trị ngoại trú do ốm đau, bệnh tật trong thời hạn bảo hiểm loại trừ các chi phí tại phần III của Quy tắc bảo hiểm này, bao gồm:

1. Tiền khám bệnh, tiền thuốc theo kê đơn của bác sĩ (hoá đơn tiền thuốc phải thể hiện đúng số lượng thuốc và liều thuốc do bác sĩ điều trị chỉ định), tiền chụp X-quang và làm các xét nghiệm chẩn đoán do bác sĩ chỉ định. Trị liệu học bức xạ, nhiệt, liệu pháp ánh sáng và các phương pháp điều trị khác tương tự do Bác sĩ chỉ định.
 - Giới hạn STBH một lần khám: 20% STBH/lần khám.
 - Giới hạn 10 lần/năm.
2. Điều trị răng cho các trường hợp: khám chụp XQ răng, điều trị viêm nướu (lợi); nha chu, trám (hàn) răng bằng chất liệu thông thường như amalgam, composite, fujii...; Điều trị tuỷ răng; cạo vôi răng (lấy

- cao răng) và nhổ răng bệnh lý (bao gồm tiểu phẫu).
- Giới hạn điều trị răng /năm: 20% STBH/ng/năm;
- Giới hạn cạo vôi răng tối đa 400.000 đồng /ng/năm.
- * Chỉ chấp nhận trường hợp khám và điều trị răng tại các bệnh viện có giấy phép hoạt động kinh doanh và các cơ sở y tế trong Hệ thống bảo lãnh viện phí của Bảo Việt (bao gồm cả bệnh viện và phòng khám).
- 3. Vật lý trị liệu: Điều trị bằng các phương pháp vật lý trị liệu (không phải là phương pháp mát-xa hay cải thiện dáng đi) do Bác sĩ chỉ định tối đa 60 (sáu mươi) ngày/năm và tối đa 100.000 đ (một trăm ngàn đồng)/ngày.

II. HIỆU LỰC BẢO HIỂM

- 30 ngày kể từ ngày nộp phí bảo hiểm đối với ốm, bệnh thông thường.
- Một (01) năm đối với các bệnh đặc biệt và có sẵn.

ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG II: THAI SẢN VÀ SINH ĐẼ

I. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Bảo hiểm Bảo Việt sẽ thanh toán cho người được bảo hiểm các chi phí phát sinh thực tế trong quá trình sinh mổ hoặc sinh thường và/hoặc xảy ra biến chứng do thai sản.

1. Biến chứng thai sản và sinh khó

Bảo hiểm Bảo Việt sẽ chi trả các chi phí y tế phát sinh do các biến chứng trong quá trình mang thai, hoặc trong quá trình sinh nở cần đến các thủ thuật sản khoa. Thủ thuật sinh mổ chỉ được bảo hiểm nếu do Bác sĩ chỉ định là cần thiết cho ca sinh đó, không bao gồm việc sinh mổ theo yêu cầu (hoặc phải mổ lại do việc yêu cầu mổ trước đó). Biến chứng thai sản và sinh khó bao gồm và không giới hạn trong các trường hợp sau:

- Sảy thai hoặc thai nhi chết trong tử cung;
- Mang thai trứng nước;
- Thai ngoài tử cung;

- Băng huyết sau khi sinh;
- Sốt nhau thai trong tử cung sau khi sinh;
- Phá thai do điều trị;
- Biến chứng của các nguyên nhân trên.

2. Sinh thường

Bảo hiểm Bảo Việt sẽ chi trả các chi phí y tế phát sinh cho việc sinh thường bao gồm và không giới hạn trong các chi phí: đỡ đẻ, viện phí tổng hợp, bác sĩ chuyên khoa, chăm sóc mẹ trước và sau khi sinh tại bệnh viện, chi phí may thắm mí đường rạch.

II. HIỆU LỰC BẢO HIỂM

Quyền lợi này chỉ được chi trả với điều kiện việc thụ thai bắt đầu sau 12 tháng kể từ ngày quyền lợi bảo hiểm này bắt đầu được áp dụng.

Thời gian chờ 90 ngày đối với trường hợp sảy thai cần thiết phải nạo thai theo chỉ định của Bác sĩ điều trị thai sản.

ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG III: TRỢ CẤP TRONG THỜI GIAN ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ DO ỐM ĐAU, BỆNH TẬT VÀ/HOẶC TAI NẠN

Bồi thường theo điều khoản này dựa trên cơ sở số ngày điều trị nội trú thực tế theo giấy ra, vào viện.

Số ngày được chi trả trợ cấp thực tế không vượt quá 60 (sáu mươi) ngày trong năm. Số tiền lựa chọn theo bảng sau

Lựa chọn 1	Lựa chọn 2	Lựa chọn 3
100.000đ/ngày	200.000đ/ngày	300.000đ/ngày



PHỤ LỤC I: BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN THƯƠNG TẬT

*Ban hành kèm theo QĐ số :3113/2012/QĐ/TGD-BHBV ngày 28 tháng 9 năm 2012
của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
(Áp dụng cho QLBS Tử vong, thương tật vĩnh viễn do tai nạn)*

QUYỀN LỢI	Tỷ lệ trả tiền
I - TỬ VONG	100%
II - THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VĨNH VIỄN	
1. Mất hoặc mù hoàn toàn 2 mắt	100%
2. Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được	100%
3. Hông toàn bộ chức năng nhai và nói	100%
4. Mất hoặc liệt hoàn toàn 2 tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) hoặc 2 chân (từ hông hoặc đầu gối xuống)	100%
5. Mất cả hai bàn tay hoặc hai bàn chân hoặc mất một cánh tay hoặc một bàn chân hoặc mất một cánh tay và một cẳng chân hoặc một bàn tay và một cẳng chân hoặc một bàn tay và một bàn chân	100%
6. Mất hoàn toàn khả năng lao động mà không thể làm bất cứ việc gì (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn)	100%
7. Cắt toàn bộ một bên phổi và một phần phổi bên kia	100%
III - THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN VĨNH VIỄN	
CHI TRÊN	
8. Mất một cánh tay từ vai xuống (Tháo khớp vai)	75-85%
9. Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống	70-80%
10. Cắt cụt một cánh tay từ khuỷu xuống (Tháo khớp khuỷu)	65-75%
11. Mất trọn một bàn tay hoặc toàn bộ cả 5 ngón tay	60-70%
12. Mất đồng thời cả bốn ngón tay của một bàn tay	40-50%
13. Mất đồng thời cả ngón cái và ngón trỏ	35-45%
14. Mất 3 ngón: 3 - 4 - 5	30-35%
15. Mất ngón cái và 2 ngón khác	35-40%
16. Mất ngón cái và một ngón khác	30-35%
17. Mất ngón trỏ và hai ngón khác	35-40%
18. Mất ngón trỏ và một ngón giữa	30-35%
19. Mất trọn ngón cái và đốt bàn	25-30%
- Mất trọn ngón cái	20-25%
- Mất cả đốt ngoài	10-15%
- Mất nửa đốt ngoài	07-10%
20. Mất ngón trỏ và đốt bàn	20-25%
- Mất ngón trỏ	18-22%
- Mất hai đốt 2 và 3	10-12%
- Mất đốt 2	08-10%
21. Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn(bao gồm cả đốt bàn)	18-22%
- Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn	15-18%
- Mất hai đốt 2 và 3	08-12%
- Mất đốt 2	04-07%
22. Mất cả ngón út và đốt bàn	15-20%
- Mất cả ngón út	10-15%
- Mất hai đốt 2 và 3	08-10%
- Mất đốt 2	04-07%

BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN THƯƠNG TẬT

23. Cứng khớp bả vai	30-40%
24. Cứng khớp khuỷu tay	25-35%
25. Cứng khớp cổ tay	20-30%
26. Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả	25-35%
CHI DƯỚI	
27. Mất một chân từ háng xuống (Tháo khớp hông một đùi)	75-85%
28. Cắt cụt một đùi	
1/3 trên	70-80%
1/3 giữa hoặc dưới	55-75%
29. Cắt cụt một chân từ gối xuống (Tháo khớp gối)	60-70%
30. Tháo khớp cổ chân hoặc mất một bàn chân	55-65%
31. Mất xương sên	35-40%
32. Mất xương gót	35-45%
33. Mất đoạn xương chày, mác gây khớp giả cẳng chân	35-45%
34. Mất đoạn xương mác	20-30%
35. Mất mắt cá chân: Mất cá ngoài	10-15%
Mất cá trong	15-20%
36. Mất cả 5 ngón chân	45-55%
37. Mất 4 ngón chân bao gồm cả ngón cái	38-48%
38. Mất bốn ngón trừ ngón cái	35-45%
39. Mất ba ngón 3 – 4 – 5	25-30%
40. Mất ba ngón 1 – 2 – 3	30-35%
41. Mất một ngón cái và ngón 2	20-25%
42. Mất một ngón cái	15-20%
43. Mất một ngón ngoài ngón cái	10-15%
44. Mất một đốt ngón cái	08-12%
45. Cứng khớp hông	45-55%
46. Cứng khớp gối	30-40%
47. Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi	45-55%
48. Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi	
- Ít nhất 5 cm	40-45%
- Từ 3 đến 5 cm	35-40%
49. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài	35-45%
50. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong	25-35%
CỘT SỐNG	
51. Cắt bỏ cung sau của một đốt sống	35-40%
của 2 – 3 đốt sống trở lên	45-60%
SỌ NÃO	
52. Khuyết xương sọ (chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần) gây ra đau đầu kéo dài	35-45%
LÔNG NGỰC	
53. Cắt bỏ 1 -2 xương sườn	15-20%
54. Cắt bỏ từ 3 xương sườn trở lên	25-35%
55. Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn	08-10%
56. Cắt toàn bộ một bên phổi	70-80%
57. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, DTS giảm trên 50%	65-75%
58. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên	50-60%

59. Cắt một thùy phổi	35-45%
BỤNG	
60. Cắt toàn bộ dạ dày	75-85%
61. Cắt đoạn dạ dày	50-60%
62. Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1m)	75-85%
63. Cắt đoạn ruột non	40-50%
64. Cắt toàn bộ đại tràng	75-85%
65. Cắt đoạn đại tràng	50-60%
66. Cắt bỏ gan phải đơn thuần	70-80%
67. Cắt bỏ gan trái đơn thuần	60-70%
68. Cắt phần thùy gan, tùy vị trí, số lượng và kết quả phẫu thuật	40-60%
69. Cắt bỏ túi mật	45-55%
70. Cắt bỏ lá lách	40-50%
71. Cắt bỏ đuôi tụy, lách	60-70%
CƠ QUAN TIẾT NIỆU, SINH DỤC	
72. Cắt bỏ một thận, thận còn lại bình thường	50-60%
73. Cắt bỏ một thận, thận còn lại bị thương hoặc bệnh lý	70-80%
74. Cắt một phần thận trái hoặc phải	30-40%
75. Cắt một phần bàng quang	27-35%
76. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người:	
Dưới 55 tuổi chưa có con	70-80%
Dưới 55 tuổi đã có con	55-65%
Trên 55 tuổi	35-40%
77. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng ở người:	
Dưới 45 tuổi chưa có con	60-70%
Dưới 45 tuổi đã có con	30-40%
Trên 45 tuổi	25-30%
78. Cắt vú ở nữ:	
Dưới 45 tuổi: một bên	20-30%
hai bên	45-55%
Trên 45 tuổi: một bên	15-30%
hai bên	30-40%
MẮT	
79. Mất hoặc mù hoàn toàn một mắt	
Không lắp được mắt giả	55-65%
Lắp được mắt giả	50-60%
80. Mất hoặc mù hoàn toàn một mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn này đã mất hoặc mù một mắt rồi	80-90%
TAI – MŨI – HỌNG	
81. Điếc 2 tai, hoàn toàn không phục hồi được	75-85%
Nặng (Nói to hoặc thét vào tai người nghe)	60-70%
Vừa (Nói to 1-2m còn nghe)	35-45%
Nhẹ (Nói to 2-4m còn nghe)	15-20%
82. Điếc một tai, hoàn toàn không phục hồi được	30-40%
Vừa	15-20%
Nhẹ	08-15%
83. Mất vành tai hai bên	20-40%
84. Mất vành tai một bên	10-25%
85. Mất mũi, biến dạng mũi	18-40%

BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN THƯƠNG TẬT

MẮT	
86. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống	80-90%
Khác bên	70-80%
Cùng bên	
87. Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới	70-80%
88. Mất một phần xương hàm trên hoặc một phần xương hàm dưới từ 1/3 đến 1/2 bị mất từ cạnh cao trở xuống	35-45%
89. Mất răng: trên 6 cái không lắp được răng giả	30-40%
Từ 5 – 7 răng	15-25%
90. Mất 3/4 lưỡi, còn gốc lưỡi	75-85%
91. Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi	50-60%
92. Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm	15-25%
93. Mất một phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm	10-15%

Nguyên tắc xét trả tiền bảo hiểm

Việc xét giải quyết trả tiền theo bảng này sẽ căn cứ trên các chứng từ điều trị của khách hàng cung cấp cho công ty bảo hiểm và các quy định dưới đây:

- 1) Mất hẳn chức năng của từng bộ phận hoặc hỏng vĩnh viễn chi được coi như mất từng bộ phận đó hoặc mất chi.
- 2) Những trường hợp thương tật không liệt kê trong bảng sẽ được bồi thường theo tỉ lệ trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với những trường hợp khác có trong bảng.
- 3) Vết thương điều trị bình thường, vết thương không bị nhiễm trùng sẽ được trả tiền bảo hiểm tương ứng với mức thấp nhất của thang tỉ lệ trả tiền bảo hiểm quy định cho trường hợp này.
- 4) Vết thương điều trị phức tạp, vết thương bị nhiễm trùng hoặc sau khi điều trị còn để lại di chứng thì tùy theo mức độ nặng, nhẹ được trả cao dần cho tới mức tối đa của thang tỉ lệ trả tiền bảo hiểm quy định cho trường hợp này.
- 5) Trường hợp đa vết thương được trả tiền bảo hiểm cho từng vết thương nhưng tổng số tiền trả cho Người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm. Trường hợp đa vết thương ở cùng một chi, tổng số tiền trả cho các vết thương không được vượt quá tỉ lệ mất chi đó.
- 6) Những trường hợp phải mổ lại, đập can xương làm lại được trả thêm 50% mức tối thiểu của thang tỉ lệ trả cho trường hợp đó nhưng tổng số tiền chi trả không vượt quá số tiền bảo hiểm.



Hotline 1900 55 88 99
(04) 3573 0505

BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Trụ sở chính 35 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel (04) 3824 5935 / 3934 3125

Fax (04) 3825 7188

Email bvvn@baoviet.com.vn

Website www.baoviet.com.vn/baohiem